

Bản án số: 62/2017/HS-ST
Ngày: 28 - 12 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Đức;

Ông Phạm Kim An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2017/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2017/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2017, đối với bị cáo:

Hoàng Văn D, sinh ngày 07/5/1974 tại xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 5, Q, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C (đã chết) và bà Cao Thị S, sinh năm 1946; có vợ là Lê Thị T, sinh năm 1974 và có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

+ Ngày 16/3/2007 bị TAND huyện G, tỉnh Nam Định xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/7/2007;

+ Ngày 12/9/2008 bị TAND thị xã B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/5/2009;

+ Ngày 29/4/2010 bị TAND huyện G, tỉnh Nam Định xử phạt 54 tháng tù về các tội Trộm cắp tài sản và Tàng trữ trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/8/2013;

+ Ngày 02/10/2009 bị Công an thị xã B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản theo Quyết định số 1073/QĐ - XPHC.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/9/2017 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Xuân Trường; có mặt.

- *Người bị hại:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1956 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1957; nơi cư trú: Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; Có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 5, QT, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 13/9/2017, Hoàng Văn D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Warm, biển kiểm soát 61T8-2956 đi từ nhà sang khu vực xã X, huyện X nhằm mục đích trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực xóm 1, xã Xuân T, D quan sát thấy nhà của vợ chồng ông Trần Văn T và bà Phạm Thị N không khóa cổng, cửa mở và không có ai nên D để xe ở ngoài rồi cầm 01 chiếc áo mưa đi vào, D phát hiện trên mặt bàn phía sát cửa ra vào có 01 chiếc máy tính xách tay hiệu Compaq Presorio 57 liền lấy cuộn vào áo mưa, kẹp vào nách. Khi quay ra về thì gặp bà N nên D đã trả lại máy tính cho bà N rồi bỏ chạy, lúc đó ông T ở trong nhà chạy ra hô hoán và cùng quần chúng nhân dân bắt giữ được D cùng vật chứng gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Warm màu nâu, biển kiểm soát 61T8 – 2956, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Văn C do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/8/2005, 01 áo đi mưa màu xanh xẻ nách nhãn hiệu RAINCOAT - MẠNH TIẾN.

Tại Kết luận định giá tài sản số 25/KL- HDDG ngày 27/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Xuân Trường kết luận: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Compaq Presorio 57 tại thời điểm chiếm đoạt có trị giá 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng). Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại gì về kết luận định giá nêu trên.

Bản cáo trạng số 56/CT - KSĐT ngày 13/11/2017 của VKSND huyện Xuân Trường truy tố bị cáo Hoàng Văn D về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị: Tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và sửa đổi, bổ sung năm 2009; xử phạt bị cáo tù 15 tháng đến 18 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch tiêu hủy 01 áo đi mưa màu xanh; trả lại bị cáo và chị Lê Thị T 01 xe mô tô biển kiểm soát 61T8 – 2956 và 01 giấy đăng ký xe mô tô nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trong phần tranh luận và lời nói sau cùng tại phiên tòa, bị cáo nhận tội, hứa sửa chữa lỗi lầm và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều không khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng trên nên đều hợp pháp.

[2] Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ được và Kết luận định giá tài sản bị chiếm đoạt, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 23/9/2017 tại xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, Hoàng Văn D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Compaq Presorio 57 trị giá 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*) của ông Trần Văn T và bà Phạm Thị N. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và sửa đổi, bổ sung năm 2009, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như trên là đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tâm lý bất an cho nhân dân tại địa phương. Bị cáo là người có thể chất, tinh thần bình thường, đã nhiều lần bị kết án phạt tù về tội Trộm cắp tài sản, Tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng không lấy đó làm bài học để sửa chữa bản thân, sau khi chấp hành án trở về vẫn tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản, thể hiện thái độ coi thường kỷ cương pháp luật nên phải bị xử lý nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Tại Bản án số 16/2010/HSST, ngày 29/4/2010 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Nam Định đã xử phạt bị cáo 54 tháng tù (04 năm 06 tháng tù) về các tội Trộm cắp tài sản, Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính từ ngày 08/08/2013 và chấp hành xong các quyết định khác của bản án. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 64 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì thời hạn xóa án tích là 05 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án nhưng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 và sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì thời hạn xóa án tích là 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính và các quyết định khác của bản án. Căn cứ khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 thì đây là tình tiết có lợi cho bị cáo nên bị cáo đã được xóa án tích đối với bản án này, do đó không phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội nhưng chưa lấy được tài sản gây gây thiệt hại không lớn nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[6] *Về việc áp dụng hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 và sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Xét hoàn cảnh bị cáo không có công việc ổn định, kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại ông Trần Văn T và bà Phạm Thị N đã nhận lại nguyên vẹn tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về xử lý vật chứng*: Vật chứng đã thu giữ của bị cáo khi bắt giữ gồm 01 xe mô tô nhãn hiệu Warm màu nâu, biển kiểm soát 61T8 – 2956, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Văn C, 01 áo đi mưa màu xanh xẻ nách nhãn hiệu RAIN COAT - MẠNH TIẾN. Xét chiếc xe mô tô cùng đăng ký xe đã được bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nhưng chiếc xe là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, là phương tiện đi lại hàng ngày của gia đình bị cáo, chị Lê Thị T là vợ bị cáo không biết bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản nên cần trả lại chiếc xe mô tô và giấy đăng ký xe cho chị Lê Thị T; 01 áo đi mưa bị cáo dùng phạm tội, giá trị không đáng kể nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a và điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[9] *Về án phí*: Bị cáo Hoàng Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn D phạm tội “ Trộm cắp tài sản”;
2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt Hoàng Văn D 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 23 tháng 9 năm 2017).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999 và sửa đổi, bổ sung năm 2009; các điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

Tịch thu cho tiêu hủy 01 áo đi mưa màu xanh;

Trả lại chị Lê Thị T 01 xe mô tô nhãn hiệu Warm màu nâu, biển kiểm soát 61T8 – 2956 (kèm theo 02 chìa khóa xe) và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Văn Chung.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao vật chứng, tài sản số 06/CCTHA lập ngày 07/11/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Hoàng Văn D phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Công an huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã G;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Kiên